

Bản án số: 36/2023/HS-PT
Ngày: 16/6/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh và ông Nguyễn Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Linh – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo Biện Khắc D, Đinh Khắc Th do có kháng cáo của các bị cáo Biện Khắc D, Đinh Khắc Th đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2023/HS-ST ngày 03/03/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Biện Khắc D, sinh năm 1983; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: nguyên là công chức; nguyên Đảng viên Đảng Công sản Việt Nam, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 37-QĐ/UBKT ngày 14/5/2021 của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Tuy Hòa; con ông Biện Khắc R, sinh năm 1953 và bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1954; có vợ Lê Thị Q, sinh năm 1986 và 03 con, 02 con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2019; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/4/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Đinh Khắc Th, sinh năm 1987; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Đinh T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H (đã chết); có vợ Nguyễn

Thị Minh V, sinh năm 1991 và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo Biện Khắc D:

1. Ông Nguyễn Hương Q – Luật sư, Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Phúc Luật thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Ông Đàm Quốc Ch – Luật sư, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Chính Nhân thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Ông Tạ Quang T – Luật sư, Văn phòng Luật sư THT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo Đinh Khắc Th: Ông Trần Đức D – Luật sư, Văn phòng Luật sư Trần Đức D thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh ; có mặt.

- Bị hại: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: 02 Trần Hưng Đạo, Phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Do bà Nguyễn Thị Hồng Q, chức vụ: Trưởng phòng – Phòng Tư pháp thành phố T làm đại diện. Văn bản ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T số 3123/UBND ngày 02/6/2023; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Do ông Nguyễn Thái T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P làm đại diện; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Quốc TR, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

4. Ông Trần Việt H, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1980. Nơi cư trú : Khu phố Ninh Tịnh 6, Phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

6. Ông Trần Minh T, sinh năm 1976. Nơi cư trú : Khu phố Ninh Tịnh 1, Phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1985. Nơi cư trú : Thôn Xuân Hoà, xã Hoà Kiến, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

8. Ông Võ Công T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: A22205 Chung cư Giai Việt, 856 Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

9. Ông Dương Minh T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: 81 Đồng Khởi, Phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

10. Ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: 413 Nguyễn Huệ, Phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.
11. Ông Lê Vĩnh T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: D22 đường số 1, khu đô thị Hưng Phú, Phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Có mặt.
12. Ông Trần Phương N, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
13. Bà Võ Thị Thu Tr, sinh năm 1985. Nơi cư trú : Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
14. Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1984. Nơi cư trú : Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
15. Ông Nguyễn Thái L, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
16. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974. Nơi cư trú : Khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
17. Ông Nguyễn H, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
18. Ông Huỳnh Tấn H, sinh năm 1964. Nơi cư trú : Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
19. Ông Phan Huy C, sinh năm 1971. Nơi cư trú : Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
20. Ông Phan L, sinh năm 1970. Nơi cư trú : Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
21. Bà Võ Đặng Kiều H, sinh năm 1985. Nơi cư trú : Hẻm 90 Võ Thị Sáu, khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/01/2014, Đinh Khắc Th ký Hợp đồng lao động và được phân công làm cán bộ địa chính tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T với nhiệm vụ được phân công là tham mưu cho Ủy ban nhân dân phường P tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác trật tự đô thị, trật tự xây dựng trên địa bàn phường P. Biện Khắc D được tuyển dụng làm công chức Địa chính – Xây dựng – Đô thị và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân phường P từ năm 2012, đến năm 2013 được giao thêm chức vụ là Phó Chủ tịch Hội đồng đăng ký quyền sử dụng đất phường P, với nhiệm vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân phường trong việc xét đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp, khiếu nại về đất đai, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn phường P. Năm 2015, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Đinh Khắc Th và Biện Khắc D vì quen biết,

nề nang và vì lợi ích không chính đáng của người khác đã thực hiện không đúng và không đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao, hợp thức hóa thủ tục hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Thái L, bà Nguyễn Thị L trái quy định của pháp luật, cụ thể:

Khoảng năm 1998, bà Trần Thị Th lấn chiếm đất trồng và đất rừng phi lao do Nhà nước quản lý ở phường P. Đến năm 2000, bà Th chuyển nhượng thửa đất này cho vợ chồng ông Nguyễn Thái L bà Nguyễn Thị L bằng giấy viết tay với giá 06 chỉ vàng, khi chuyển nhượng hiện trạng đất không có nhà và cây cối trên đất, giấy chuyển nhượng không ghi địa chỉ lô đất và diện tích. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông L xây dựng 02 căn nhà liền kề (4x8)m và (5x7)m trên diện tích đất (sau này xác định là thửa đất số 36, tờ bản đồ số 57). Ngày 22/7/2012, vợ chồng ông L chuyển nhượng bằng giấy viết tay nhà và đất cho ông Trần Ngọc H với số tiền 280.000.000 đồng, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng H sửa chữa lại nhà và sinh sống trên thửa đất này. Ngày 03/3/2013, ông H làm đơn xin xác nhận có nhà ở để làm thủ tục chuyển khẩu đến phường P (thời điểm đó là khu phố 5, nay là khu phố 3), đơn này do bà Võ Đăng Kiều H – Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường P (là chị dâu của H) cầm đến đưa cho Biện Khắc D. D kiểm tra, ký nháy vào đơn, trình Huỳnh Quốc TR là Phó Chủ tịch phường P ký xác nhận. Lúc này, bà Hưng có hỏi D thủ tục làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của H thì D có nói cho bà Hưng biết thửa đất của H không cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu muốn cấp phải thỏa thuận với chủ đất cũ đứng ra làm thủ tục sau đó chuyển nhượng cho H.

Khoảng tháng 5/2015, ông Trần Ngọc H đến Ủy ban nhân dân phường P gặp Đinh Khắc Th, đưa Th xem hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa H và L vào ngày 22/7/2012. Lúc này, Th biết H là em chồng bà Hưng và nói cho H biết theo quy định hiện hành nếu H đứng tên đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì H không đủ điều kiện cấp, nếu muốn cấp phải do chủ đất cũ là Nguyễn Thái L đứng tên. Ngày 14/5/2015, ông H làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đưa cho ông Nguyễn Thái L ký tên là người đang sử dụng đất. Ngày 18/5/2015, H nộp hồ sơ gồm: Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận (đứng tên ông L) và giấy chuyển nhượng đất giữa bà Th với ông L.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Biện Khắc D lúc này là Phó chủ tịch Hội đồng đảng ký quyền sử dụng đất phường P, mặc dù biết rõ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thái L thực chất là của ông H nhưng do nề nang bà Hưng là chị dâu ông H nên vẫn đưa vào danh sách để thông qua Hội đồng họp xét và phân công Nguyễn Thành Đ – Cán bộ địa chính và Đinh Khắc Th kiểm tra hồ sơ để giải quyết. Đạt và Th kiểm tra xác định thửa đất theo bản đồ số 14 (đo

đặc năm 1992) là đất rừng phi lao, đối chọi tờ bản đồ địa chính số 45 (đo đạc năm 1997) là đất trống do Nhà nước quản lý, không thể hiện tên chủ sử dụng đất và xác định thửa đất có nguồn gốc lần, chiếm thuộc trường hợp được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 Nghị Định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013. Đạt và Th không đi kiểm tra hiện trạng người đang sử dụng đất mà chỉ kiểm tra nguồn gốc đất qua việc đối chọi tờ bản đồ số 57 (đo đạc năm 2010) thì người sử dụng đất là ông Nguyễn Thái L, vị trí là thửa đất số 36 và xác định thửa đất có nguồn gốc lần chiếm, chưa được cấp giấy chứng nhận.

Ngày 12/6/2015, tại Ủy ban nhân dân phường P, ông Huỳnh Quốc TR – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Chủ trì cuộc họp Hội đồng đăng ký quyền sử dụng đất gồm: Huỳnh Quốc TR, Biện Khắc D, Nguyễn Thành Đ (Cán bộ địa chính), Trần Phương N (Công chức tư pháp), Võ Thị Thu Tr (Công chức tư pháp) và Trần Việt H (Khu phố trưởng khu phố 3) để xét 03 hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận. Trong đó, hồ sơ của ông Nguyễn Thái L được kết luận với nội dung: Nguyên là đất của bà Trần Thị Th tự chiếm đất từ năm 1998, sử dụng đến năm 2000, bà Th chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông L xây dựng nhà ở, sử dụng ở từ đó đến nay; phù hợp quy hoạch sử dụng đất; đủ điều kiện.

Để hợp thức hồ sơ theo trình tự, thủ tục quy định, Đinh Khắc Th soạn thảo phiếu lấy ý kiến của khu dân cư theo mẫu, nội dung được đánh máy tương tự như nội dung trong biên bản Hội đồng họp xét; thời điểm sử dụng đất: Năm 2000; tình trạng tranh chấp: Không tranh chấp; đồng thời Nguyễn Thành Đ tự ghi tên “Biện Khắc D” và chữ số “04” vào mục “thành phần cuộc họp gồm có”. Sau đó, Th đem phiếu lấy ý kiến của khu dân cư đưa cho những người dân là ông Nguyễn H, Huỳnh Tấn H ký tên người tham gia, ông Trần Việt H, (Khu phố trưởng) ký tên người chủ trì. Đối với chữ ký của ông Phan Huy C và ông Phan L là do Đinh Khắc Th tự ký để hợp thức hồ sơ (riêng ông L là người không biết chữ). Đồng thời, Th soạn Th biên bản niêm yết công khai hồ sơ ngày 12/6/2015, danh sách niêm yết công khai hồ sơ, biên bản kết thúc niêm yết công khai ngày 30/6/2015, phô tô biên bản họp Hội đồng Đăng ký quyền sử dụng đất; Nguyễn Thành Đ phê các nội dung xác nhận vào đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, Th soạn Th tờ trình của Ủy ban nhân dân phường P để Biện Khắc D ký tên với tư cách là cán bộ địa chính rồi trình hồ sơ cho ông Huỳnh Quốc TR ký xác nhận của Ủy ban nhân dân phường P vào ngày 01/7/2015. Sau đó, D lập danh sách hồ sơ chuyển đến Ủy ban nhân dân thành phố Tvào ngày 14/7/2015.

Ngày 21/7/2015, hồ sơ được chuyển đến bộ phận “một cửa” của Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa. Ngày 22/7/2015, hồ sơ chuyển cho Lê Thị Bích Vân – Nhân viên văn thư của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Tvào

sổ theo dõi rồi chuyển hồ sơ cho Nguyễn Anh T – Nhân viên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất phụ trách thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận trên địa bàn phường Pđề thẩm định. Ngày 12/11/2015, Tuấn phối hợp với Đinh Khắc Thấn kiểm tra hiện trạng thửa đất và lập biên bản thẩm định hồ sơ. Khi đi kiểm tra, Th biết người sử dụng đất là ông Trần Ngọc H không phải ông Nguyễn Thái L như trong đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận. Sau đó, Tuấn hướng dẫn để ông L kê khai các loại tờ khai tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ nhà, đất theo mẫu. Nội dung Tuấn thẩm định về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch được Ủy ban nhân dân phường P xác nhận tương tự nội dung của PH lấy ý kiến khu dân cư và thống nhất hồ sơ đủ điều kiện, đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Txem xét giải quyết.

Ngày 17/11/2015, Nguyễn Anh T lập trích lục bản đồ địa chính, Trần Minh T – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ký xác nhận. Sau đó, Tuấn tham mưu cho Thủ ký Công văn số 161/VPĐK ngày 18/11/2015 gửi Phòng Quản lý đô thị thành phố T đề nghị xác định quy hoạch thửa đất. Sau khi Phòng Quản lý đô thị thành phố T có văn bản cung cấp thông tin xác định quy hoạch thửa đất; ngày 19/01/2016, Nguyễn Anh T tham mưu cho Trần Minh T ký phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 137/VPĐK gửi Chi cục Thuế thành phố Tuy Hòa. Hồ sơ được chuyển cho Lê Thị Bích V để phê duyệt gửi đến Chi cục thuế thành phố T và chuyển cho bộ phận kỹ Th để soạn Th Tờ trình, in các thông tin trên phôi giấy chứng nhận, sau đó giao lại cho Tuấn kiểm tra. Khi ông Trần Ngọc H nộp đầy đủ các khoản tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ nhà đất vào Kho bạc Nhà nước thì hồ sơ được chuyển cho Nguyễn Mạnh T – Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường để thẩm định. Kiểm tra hồ sơ thống nhất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo nội dung xác nhận của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T, Tín ký nháy vào Tờ trình số 607/TTr-TN&MT ngày 16/3/2016, trình hồ sơ cho Võ Công T – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường ký tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận.

Ngày 17/3/2016, Tín chuyển hồ sơ cho Dương Minh T – Nhân viên văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố T kiểm tra. Sau khi kiểm tra hồ sơ, Lãnh đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố T có Công văn số 46/VP ngày 22/3/2016 chuyển trả hồ sơ đề nghị kiểm tra làm rõ phù hợp quy hoạch. Hồ sơ được chuyển lại cho Tuấn kiểm tra. Tuấn tham mưu cho Toàn ký Báo cáo số 93/BC-TN&MT ngày 25/3/2016 với nội dung xác định thửa đất của ông L đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Khoản 3 Điều 22, Nghị Định số 43/2014/NĐ-CP. Ngày 29/3/2016, hồ sơ tiếp tục được chuyển cho Tư kiểm tra rồi trình Vũ Ngọc T – Phó Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố T thống nhất theo nội dung báo cáo và ký nháy vào

giấy chứng nhận, Tư trình hồ sơ cho ông Lê Vĩnh T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tky. Sau đó, hồ sơ được chuyển về Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Tđề vào sổ cấp giấy chứng nhận vào ngày 05/4/2016. Cùng ngày, Nguyễn Thành Đ nhận giấy chứng nhận. Ngày 08/4/2016, vợ chồng ông Nguyễn Thái L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (được công chứng) cho ông Trần Ngọc H.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đến nay chưa được thu hồi. Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T xác định tài sản được định giá tại thời điểm tháng 4/2016 như sau: Thửa đất số 36, tờ bản đồ 57, diện tích 193,4m² (đất ODT) cấp cho ông Nguyễn Thái L, bà Nguyễn Thị L có giá trị là 336.516.000 đồng. Giá trị của thửa đất nêu trên là 336.516.000 đồng, sau khi trừ đi các khoản mà người được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải nộp ngân sách Nhà nước gồm: thuế, phí và lệ phí thì giá trị còn lại là 253.510.000 đồng.

Bản kết luận giám định ngày 29/3/2019 của Hội đồng giám định Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên kết luận:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Trường hợp sử dụng đất của ông Nguyễn Thái L và bà Nguyễn Thị L thuộc trường hợp có vi phạm pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014 theo quy định tại Điều 22 của Nghị Định số 43/2014/NĐ-CP.

Về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Trường hợp sử dụng đất của ông Nguyễn Thái L, bà Nguyễn Thị L thuộc trường hợp có vi phạm pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 nhưng tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận năm 2016 thì ông Nguyễn Thái L và bà Nguyễn Thị L không đang sử dụng đất vì đã chuyển nhượng đất và nhà trên đất bằng giấy viết tay không có xác nhận của chính quyền địa phương cho ông Trần Ngọc H nên không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013. Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 57 phường Pkhông đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thái L và bà Nguyễn Thị L theo quy định tại Điều 22 của Nghị Định số 43/2014/NĐ-CP mà Ủy ban nhân dân thành phố Tđã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là không đúng quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2023/HS-ST ngày 03/03/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên đã tuyên các bị cáo Biện Khắc D, Đinh Khắc Thphạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ”. Áp dụng Khoản 1, Khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo ; thêm Điểm s,

Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Thuật ; phạt bị cáo Biện Khắc D 02 (Hai) năm tù, bị cáo Đình Khắc Th01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo thi hành án.

Cấm các bị cáo Biện Khắc D và Đình Khắc Th đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai 02 (Hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/3/2023, các bị cáo Biện Khắc D, Đình Khắc Th đều kháng cáo kêu oan và đề nghị tuyên các bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa,

+ Ban đầu các bị cáo Biện Khắc D, Đình Khắc Th đều kêu oan và đề nghị Tòa tuyên các bị cáo không phạm tội. Tuy nhiên, quá trình xét hỏi các bị cáo Biện Khắc D, Đình Khắc Th đều khai và thừa nhận thực hiện hành vi trái công vụ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Thái L bà Nguyễn Thị L như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên ; bị cáo Biện Khắc D thấy hành vi của bị cáo là sai , nhưng sai sót đó chỉ là vi phạm hành chính; bị cáo Đình Khắc Th nhận hành vi của bị cáo là có tội , nên thay đổi nội dung kháng cáo , xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

+ Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b, Khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; và căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Người bào chữa cho bị cáo Biện Khắc D, gồm các Luật sư Nguyễn Hương Quê, Đàm Quốc Chính, Tạ Quang Tòng đều trình bày: Bị cáo Biện Khắc D hướng dẫn cho ông Trần Ngọc H làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Thái L, bà Nguyễn Thị L là đúng quy định; phải chăng có sai sót chỉ là vi phạm hành chính , không đáng bị xử lý trách nhiệm hình sự; bản Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ , quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo Điểm c , Khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự , Bản án sơ thẩm lại quy kết các bị cáo phạm tội vì động cơ cá nhân, do nể nang người khác để làm trái công vụ theo Khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự, khi các bị cáo không phải là người có chức vụ, quyền hạn là không có căn cứ; cấp sơ thẩm còn có nhiều sai sót nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

+ Người bào chữa của bị cáo Đinh Khắc Th, Luật sư Trần Đức D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi nội dung kháng cáo của bị cáo Đinh Khắc Thuật, để giảm hình phạt và cho bị cáo Th hưởng án treo.

Quá trình đối đáp, Kiểm sát viên không nhất trí với ý kiến của những người bào chữa, giữ nguyên quan điểm . Nói lời sau cùng , bị cáo Biện Khắc D xin Hội đồng xét xử công tâm , tuyên bản án đúng pháp luật ; bị cáo Đinh Khắc Th đã thấy sai trái, có tội, xin pháp luật khoan hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 17/5/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên Quyết định mở phiên tòa phúc thẩm, để xem xét kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo yêu cầu của các bị cáo Biện Khắc D và Đinh Khắc Th , nhưng nhiều người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do, nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã Quyết định hoãn phiên tòa; và sau đó đã ban hành thông báo ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 ngày 16/6/2023, mặc dù các văn bản tố tụng đã được tổng đạt hợp lệ; nhưng nhiều người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn tiếp tục vắng mặt. Xét sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tiến hành xét xử vụ án theo Điểm b, Khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Biện Khắc D và Đinh Khắc Th. Hội đồng xét xử, thấy:

[2.1] Về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất: Khoảng năm 1998 bà Trần Thị Th lần chiếm đất trống và đất rừng phi lao do Nhà nước quản lý ở phường P. Đến năm 2000, bà Th chuyển nhượng thửa đất này cho vợ chồng ông Nguyễn Thái L và bà Nguyễn Thị L bằng giấy viết tay, giấy chuyển nhượng không ghi địa chỉ lô đất và diện tích. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông L bà L xây dựng 02 căn nhà liền kề trên diện tích đất này (sau này xác định là thửa đất số 36, tờ bản đồ số 57). Ngày 22/7/2012, vợ chồng ông L chuyển nhượng bằng giấy viết tay nhà và đất cho ông Trần Ngọc H với số tiền 280.000.000 đồng, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông H sửa chữa lại nhà và sinh sống trên thửa đất.

Bản kết luận giám định ngày 29/3/2019 của Hội đồng giám định Chi cục Quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên kết luận; Nguồn gốc sử dụng đất: Trường hợp sử dụng đất của ông Nguyễn Thái L bà Nguyễn Thị L thuộc trường hợp có vi phạm pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014 theo quy định tại Điều 22 Nghị Định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.2] Về điều kiện cấp quyền sử dụng đất: Các bị cáo cho rằng, thửa đất số 36, tờ bản đồ số 57 đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất, vì bà Th bán cho

ông L trước ngày 01/01/2008 nên đủ điều kiện cấp đất theo Khoản 1 Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ.

Bản kết luận giám định ngày 29/3/2019 của Hội đồng giám định Chi cục Quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên kết luận; Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Trường hợp sử dụng đất của ông Nguyễn Thái L, bà Nguyễn Thị L thuộc trường hợp có vi phạm pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/9/2013; nhưng tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận năm 2016 thì ông Nguyễn Thái L và bà Nguyễn Thị L không đang sử dụng đất vì đã chuyển nhượng đất và nhà trên đất bằng giấy viết tay không có xác nhận của chính quyền địa phương cho ông Trần Ngọc H nên không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013. Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 57 phường Pkhông đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thái L và bà Nguyễn Thị L theo quy định tại Điều 22 của Nghị Định số 43/2014/NĐ-CP mà Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là không đúng quy định.

Tại Công văn số 77/CCQLĐĐ ngày 20/5/2021 của Chi cục quản lý đất đai xác định: Ông Trần Ngọc H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông Nguyễn Thái L và bà Nguyễn Thị L bằng giấy tay sau ngày 01/01/2008. Do đó căn cứ theo Khoản 1 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì ông Trần Ngọc H không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.3] Về động cơ, mục đích và hành vi trái công vụ: Lời khai ban đầu của bị cáo Biện Khắc D (Bút lục 472-477); của bị cáo Đinh Khắc Th (Bút lục 540, 541, 548, 549); các bản tự khai (Bút lục 556, 558) đều thừa nhận, biết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 57 vợ chồng ông L đã chuyển nhượng cho ông H nhưng vì nể nang ông H là em chồng của bà Võ Đặng Kiều H – Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường Pnên hướng dẫn ông H để ông L đứng tên hồ sơ xin cấp đất và sau này làm hợp đồng chuyển nhượng lại cho ông Hiếu. Bị cáo D đưa hồ sơ của Ông L vào danh sách để thông qua Hội đồng họp xét và phân công Nguyễn Thành Đ – Cán bộ địa chính và Đinh Khắc Th kiểm tra hồ sơ để giải quyết; tại cuộc họp của Hội đồng bị cáo vẫn không nêu hiện trạng sử dụng thửa đất này để xem xét mà thống nhất với Hội đồng đủ điều kiện cấp đất cho ông L. Bị cáo Th, biết người đang sử dụng đất là ông H nên đã không kiểm tra thực tế và đã hợp thức hồ sơ theo trình tự, thủ tục quy định, như soạn Th pH lấy ý kiến của khu dân cư theo mẫu, nội dung được đánh máy tương tự như nội dung trong biên bản Hội đồng họp xét; đem

pH lấy ý kiến của khu dân cư đưa cho những người dân là ông Nguyễn H, Huỳnh Tấn H ký tên người tham gia, ông Trần Việt H (Khu phố trưởng) ký tên người chủ trì và ký giả chữ ký của của ông Phan Huy C và ông Phan L (ông Leo là người không biết chữ). Đồng thời, Th soạn Th biên bản niêm yết công khai hồ sơ ngày 12/6/2015, danh sách niêm yết công khai hồ sơ, biên bản kết thúc niêm yết công khai ngày 30/6/2015, phô tô biên bản họp Hội đồng đăng ký quyền sử dụng đất, Th soạn Th tờ trình của Ủy ban nhân dân phường Lễ Biện Khắc D ký tên với tư cách là cán bộ địa chính rồi trình hồ sơ cho ông Huỳnh Quốc TR ký xác nhận của Ủy ban nhân dân phường P.

Tuy tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thay đổi lời khai không thừa nhận có việc nê nang; nhưng căn cứ lời khai ban đầu của các bị cáo, lời khai của bà Võ Đặng Kiều Hưng và các sai phạm mà các bị cáo thực hiện trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao trong quy trình giao đất, đã thể hiện rõ động cơ cá nhân, thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo như án sơ thẩm đã quy kết.

[2.4] Về thiệt hại: Các bị cáo biết thừa đất này, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, nên đã hướng dẫn để ông L đứng tên hồ sơ xin cấp đất và đã làm các thủ tục không đúng quy định để thừa đất được cấp cho ông L, bà L vào ngày 05/4/2016. Ngày 08/4/2016, ông L, bà L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thừa đất này cho ông Trần Ngọc H và ông H đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thế chấp vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương chi nhánh Phú Yên 02 lần số tiền 1.540.000.000 đồng.

[2.5] Về tội danh, khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử: Tại Bản Cáo trạng số 70/CT-VKSTH ngày 18/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa cho rằng các bị cáo o Biện Khắc D và Đinh Khắc Thvi động cơ nê nang đã làm trái công vụ để cơ quan có thẩm quyền thành phố T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thái L, bà Nguyễn Thị L không đúng quy định, gây thiệt hại i đến uy tín của Nhà nước và thiệt hại về tài sản 253.510.000 đồng, nên truy tố các bị cá o về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo Điểm c, Khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm có kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố T ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 577588 do Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa cấp ngày 05/4/2016 cho ông Nguyễn Thái L, bà Nguyễn Thị L sẽ không gây thiệt hại về vật chất cho bị hại, nên chỉ xét xử các bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo Khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự; là phù hợp với Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự, không trái với quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự; và có lợi cho các bị cáo.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Đinh Khắc Thuật, lời khai nhận hành vi làm trái công vụ của bị cáo Biện Khắc D tại phiên tòa đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra vụ án; phù hợp với lời khai của đại diện bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với kết quả giám định tư pháp trên lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai và các tài liệu là chứng cứ khác có tại hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Năm 2015, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, các bị cáo Biện Khắc D và Đinh Khắc Thuật là cán bộ địa chính phường P, vì quen biết, nể nang bà Võ Đặng Kiều H là chị dâu ông Trần Ngọc H nên đã thực hiện không đúng và không thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao; biết thửa đất số 36 ông Nguyễn Thái L, bà Nguyễn Thị L đã chuyển nhượng cho ông Trần Ngọc H và thực tế ông H đang sử dụng từ năm 2012; ông L, bà L không còn là người đang sử dụng ổn định, liên tục nhưng vẫn hướng dẫn ông H làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, hợp thức hóa thủ tục hồ sơ để ông L, bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng lại cho ông Hiếu ngay sau đó; hậu quả: Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thái L, bà Nguyễn Thị L không đúng quy định của Luật đất đai. Hành vi làm trái công vụ của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, gây thiệt hại về uy tín và mất niềm tin của nhân dân đối với Ủy ban nhân dân thành phố T; do đó cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo Khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội. Vì vậy, các Luật sư bào chữa cho bị cáo Biện Khắc D đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[4] Mặc dù, trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo Đinh Khắc Thuật cấp tài liệu chứng minh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền nơi bị cáo cư trú xác nhận; và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã khai và thừa nhận hành vi sai phạm của mình. Tuy nhiên, khi lượng hình án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mà từng bị cáo thực hiện, xem xét nhân thân của bị cáo Biện Khắc D, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đinh Khắc Thuật, để phạt bị cáo Biện Khắc D 02 năm tù, phạt bị cáo Đinh Khắc Thuật 01 năm 06 tháng tù là đã có phân hóa, cân nhắc, vai trò phạm tội của từng bị cáo; do đó, Luật sư Trần Đức Dũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi kháng cáo của bị cáo Đinh Khắc Thuật, để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo là không thuyết phục, nên không chấp nhận; mà chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[5] Đối với các phần bồi thường dân sự; vật chứng vụ án; trách nhiệm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Ông Trần Việt Hòa, Nguyễn

Thành Đ, Huỳnh Quốc TR, Nguyễn Anh T, Nguyễn Mạnh T, Võ Công T, Trần Minh T, Lê Vĩnh T; biên pháp xử lý: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 577588 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 05/4/2016 cho ông Nguyễn Thái L, bà Nguyễn Thị L đã được Bản án sơ thẩm giải quyết; và không có kháng cáo hoặc kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

[6] Các bị cáo Biện Khắc D, Đinh Khắc Th kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 351; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Biện Khắc D, Đinh Khắc Th – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Biện Khắc D, Đinh Khắc Th phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

1. Về Hình phạt: Áp dụng Khoản 1, Khoản 4 Điều 356; Điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; phạt:

1.1. Bị cáo Biện Khắc D - 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

1.2. Bị cáo Đinh Khắc Th - 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Cấm các bị cáo Biện Khắc D, Đinh Khắc Th đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai 02 (Hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Biện Khắc D, Đinh Khắc Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- VKSND cấp cao Đà Nẵng (1);
- TAND TP. Tuy Hoà (2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- VKSND TP. Tuy Hoà (1);
- Công an thành phố T (1);
- PV06;
- Sở Tư pháp (1);
- P.KTNV (1);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Nguyên Tùng